

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN ĐẠT PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty vì t b ng ti ng Vi t: CÔNG TY C PH N Đ U TU TÂN Đ T PHÁT

Tên công ty vì t b ng ti ng nư c ngoài: TAN DAT PHAT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty vì t t t: TAN DAT PHAT INVESTMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110175531

3. Ngày thành lập: 11/11/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn L Khê, Xã Liên Hà, Huy n Đông Anh, Thành ph Hà N i, Vi t Nam

Đi n tho i: 091.433.9688

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	L p đ t h th ng c p, thoát nư c, h th ng sư i và đi u hoà không khí Chi ti t: - L p đ t h th ng đư ng ng nư c, h th ng sư i và đi u hoà không khí trong nhà ho c t i các công trình xây d ng khác, k c m r ng, thay đ i, b o đư ng và s a ch a C th : - H th ng sư i (đi n, gas, d u); - Lò sư i, tháp làm l nh; - H th ng thu n p năng lư ng m t tr i không dùng đi n; - Thi t b c p, thoát nư c và thi t b v sinh; - Thi t b thông gió, làm l nh ho c đi u hoà không khí; - Thi t b khí đ t (gas); - Đư ng ng d n hơi nư c; - H th ng phun nư c t i cây; - L p đ t h th ng ng d n - H th ng phun nư c ch a cháy;	4322
2.	L p đ t h th ng xây d ng khác Chi ti t: - L p đ t h th ng thi t b khác không thu c v đi n, h th ng ng t i nư c, h th ng lò sư i và đi u hoà nhi t đ ho c máy móc công nghi p trong ngành xây d ng và xây d ng k thu t dân d ng; - L p đ t h th ng thi t b nghi p trong ngành xây d ng và xây d ng dân d ng như : + Thang máy, c u thang t đ ng, + Các lo i c a t đ ng, + H th ng đèn chi u sáng, + H th ng hút b i, + H th ng âm thanh, + H th ng thi t b dùng cho vui chơi gi i trí.	4329

3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên nghiệp khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cốp cốp + Các công việc vữa và chôn nhúng nhúng + Chôn nhúng các tòa nhà. + Lắp đặt kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối + Ủ thép + Xây dựng và đổ bê tông + Lắp đặt các công trình nhà	4390
5.	Đi lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đi lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trên hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ dùng gia đình, đèn và bóng đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi - Bán buôn máy công cụ điện khi cần máy vi tính - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); như bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Trừ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa lắp đặt cách điện, rô le, cuộn dây, cuộn dây, thiết bị mạch điện khác;	4659
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan (Chỉ tính kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật)	4661

9.	Bán buôn kim lo i và qu ng kim lo i Chi ti t: - Bán buôn qu ng kim lo i - Bán buôn s t, thép (Tr kinh doanh vàng mi ng và ch tri n khai ho t đ ng kinh doanh khi đáp ng đ đi u ki n theo quy đ nh c a pháp lu t)	4662
10.	Bán buôn v t li u, thi t b l p đ t khác trong xây d ng Chi ti t: - Bán buôn tre, n a, g cây và g ch bi n - Bán buôn xi măng - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn g ch xây, ngói, đá, cát, s i - Bán buôn kính xây d ng - Bán buôn g ch p lát và thi t b v sinh - Bán buôn đ ngũ kim - Bán buôn v t li u, thi t b l p đ t khác trong xây d ng	4663(Chính)
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa đư c phân vào đâu (Tr lo i nhà nư c c m)	4669
12.	Ho t đ ng d ch v h tr kinh doanh khác còn l i chưa đư c phân vào đâu Chi ti t: - Xu t nh p kh u các m t hàng Công ty kinh doanh (Tr ho t đ ng đ u giá)	8299
13.	Ho t đ ng h tr d ch v tài chính chưa đư c phân vào đâu Chi ti t: - Ho t đ ng tư v n đ u tư (Lo i tr ho t đ ng tư v n pháp lu t, ch ng khoán, ki m toán)	6619
14.	Kinh doanh b t đ ng s n, quy n s d ng đ t thu c ch s h u, ch s d ng ho c đi thuê Chi ti t: - Kinh doanh b t đ ng s n	6810
15.	Tư v n, môi gi i, đ u giá b t đ ng s n, đ u giá quy n s d ng đ t Chi ti t: - D ch v môi gi i b t đ ng s n - D ch v tư v n b t đ ng s n - D ch v qu n lý b t đ ng s n (Tr đ u giá, tư v n pháp lu t v b t đ ng s n)	6820
16.	Ho t đ ng tư v n qu n lý (Không bao g m tư v n pháp lu t, tài chính, k toán, ki m toán và ch ng khoán)	7020

17.	Ho t đ ng ki n trúc và tư v n k thu t có liên quan Chi ti t: - Thi t k ki n trúc công trình; - Thi t k k t c u công trình dân d ng - công nghi p; - Thi t k cơ - đi n công trình; - Thi t k c p - thoát nư c công trình; - Thi t k xây d ng công trình giao thông; thi t k xây d ng công trình nông nghi p và phát tri n nông thôn; thi t k xây d ng công trình h t ng k thu t. - Qu n lý d án đ u tư xây d ng. - Giám sát thi công xây d ng công trình. - Ki m đ nh xây d ng. - Qu n lý chi phí đ u tư xây d ng. - Tư v n thi t k đ u tư xây d ng công trình đư ng dây và tr m bi n áp có c p đi n áp đ n 35 kV - Thi t k h t ng k thu t, Kh o sát đ a ch t, đ a hình - Thi t k h th ng phòng cháy, ch a cháy - Kh o sát th y văn môi trư ng - Ki m tra, nghi m thu ch t lư ng công trình, s n ph m đo đ c và b n đ - Tư v n đ u th u.	7110
18.	Ki m tra và phân tích k thu t	7120
19.	Ho t đ ng chuyên môn, khoa h c và công ngh khác chưa đư c phân vào đâu (Lo i tr ho t đ ng c a nh ng nhà báo đ c l p; Thanh toán h i phí u và thông tin t l lư ng và tư v n ch ng khoán)	7490
20.	Khai thác đá, cát, s i, đ t sét Chi ti t: - Khai thác đá - Khai thác cát, s i - Khai thác đ t sét	0810
21.	S n xu t v t li u xây d ng t đ t sét	2392
22.	S n xu t xi măng, vôi và th ch cao	2394
23.	Kho bãi và lưu gi hàng hóa (Không bao g m kinh doanh b t đ ng s n)	5210
24.	Cho thuê máy móc, thi t b và đ dùng h u hình khác không kèm ngư i đi u khi n Chi ti t: - Cho thuê máy công nghi p, máy xây d ng	7730

25.	D ch v chăm sóc và duy trì c nh quan Chi ti t: - Tr ng cây, chăm sóc và duy trì: + Công viên và vư n hoa: + Nhà riêng và công c ng, + Công trình công c ng ho c bán công c ng (trư ng h c, b nh vi n, cơ quan hành chính, nhà th ...), + Khu đ t đô th (công viên, khu v c cây xanh, nghĩa trang...), + Cây trên tr c cao t c (đư ng b , đư ng tàu h a, xe đi n, c ng), + Tòa nhà công nghi p và thương m i; - Tr ng cây xanh cho: + Các tòa nhà (vư n trên nóc, vư n m t trư c, vư n trong nhà), + Sân th thao, sân chơi và công viên gi i trí khác (sân th thao, sân chơi, bãi c phoi n ng, sân golf), + Vùng nư c tĩnh và đ ng (b n, vùng nư c đ i lưu, ao, b bơi, ruộng, sông, su i, h th ng cây xanh trên vùng nư c th i), + Tr ng cây đ ch ng l i ti ng n, gió, s ă n mòn, chói sáng. Nhóm này cũng g m: - Thi t k và d ch v xây d ng ph ; - Làm đ t t o đi u ki n thu n l i cho nông nghi p và sinh thái h c.	8130
26.	L p đ t máy móc và thi t b công nghi p	3320
27.	Khai thác, x lý và cung c p nư c	3600
28.	X lý và tiêu hu rác th i đ c h i	3822
29.	Xây d ng nhà đ	4101
30.	Xây d ng nhà không đ	4102
31.	Xây d ng công trình đư ng s t	4211
32.	Xây d ng công trình đư ng b	4212
33.	Xây d ng công trình đi n	4221
34.	Xây d ng công trình c p, thoát nư c	4222
35.	Xây d ng công trình vi n thông, thông tin liên l c	4223
36.	Xây d ng công trình công ích khác	4229
37.	Xây d ng công trình th y	4291
38.	Xây d ng công trình khai khoáng	4292
39.	Xây d ng công trình ch bi n, ch t o	4293
40.	Xây d ng công trình k thu t dân d ng khác	4299
41.	Phá d - Không g m d ch v n mìn; ho t đ ng rà phá bom, mìn (Ch ho t đ ng khi đư c cơ quan nhà nư c có th m quy n cho phép)	4311
42.	Chu n b m t b ng - Không g m d ch v n mìn; ho t đ ng rà phá bom, mìn (Ch ho t đ ng khi đư c cơ quan nhà nư c có th m quy n cho phép)	4312
43.	L p đ t h th ng đi n	4321

44.	Bán l ấ ngũ kim, sơn, kính và thi t b l p đ t khác trong xây d ố trong các c ả hàng chuyên doanh Chi ti t: - Bán l ấ ngũ kim trong các c ả hàng chuyên doanh - Bán l sơn, màu, véc ni trong các c ả hàng chuyên doanh - Bán l kính xây d ố trong các c ả hàng chuyên doanh - Bán l xi măng, g ch xây, ngói, đá, cát s i, s t thép và v t li u xây d ố khác trong các c ả hàng chuyên doanh - Bán l g ch p lát, thi t b v sinh trong các c ả hàng chuyên doanh	4752
45.	Bán l ấ đi n gia d ố, giư ng, t , bàn, gh và đ n i th t tương t , đèn và b đèn đi n, đ dùng gia đình khác chưa đư c phân vào đầu trong các c ả hàng chuyên doanh Chi ti t: - Bán l ấ đi n gia d ố, đèn và b đèn đi n trong các c ả hàng chuyên doanh Bán l giư ng, t , bàn, gh và đ dùng n i th t tương t trong các c ả hàng chuyên doanh - Bán l ấ dùng gia đình b ng g m, s , th y tinh trong các c ả hàng chuyên doanh	4759
46.	Bán l hàng hóa khác m i trong các c ả hàng chuyên doanh Chi ti t: - Bán l xăng, d u, khí đ t; Bán l d u m bôi trơn và các s n ph m làm mát đ ng cơ ô tô, xe máy và xe có đ ng cơ; Bán l than nhiên li u dùng cho gia đình (Tr s ố đ n lo i dùng đi s ản, th thao và ti n kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 11.000.000.000 VNĐ

M nh giá c ph n:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN TH HƯNG	Khu Ph. Đa H. i, Phur. ng Châu Khê, Thành ph T. Sơn, T. nh B. c Ninh, Vi. t Nam	C. ph. n ph. thông	121.000	1.210.000.000	11,000	0271970096 03	
			C. ph. n ưu đãi bi. u quy. t	0	0	0,000		
			C. ph. n ưu đãi c. t. c	0	0	0,000		
			C. ph. n ưu đãi hoàn l. i	0	0	0,000		
			Các c. ph. n ưu đãi khác	0	0	0,000		
			T. ng. s	121.000	1.210.000.000	11,000		
2	PH. M. V. N Đ. T.	Khu Ph. Đa H. i, Phur. ng Châu Khê, Thành ph T. Sơn, T. nh B. c Ninh, Vi. t Nam	C. ph. n ph. thông	660.000	6.600.000.000	60,000	0270950062 98	
			C. ph. n ưu đãi bi. u quy. t	0	0	0,000		
			C. ph. n ưu đãi c. t. c	0	0	0,000		
			C. ph. n ưu đãi hoàn l. i	0	0	0,000		
			Các c. ph. n ưu đãi khác	0	0	0,000		
			T. ng. s	660.000	6.600.000.000	60,000		

3	PH M TH XUÂN	Khu Ph Đa H i, Phư ng Châu Khê, Thành ph T Sơn, T nh B c Ninh, Vi t Nam	C ph n ph thông	319.000	3.190.000.000	29,000	0271860093 06
			C ph n ưu đãi bi u quy t	0	0	0,000	
			C ph n ưu đãi c t c	0	0	0,000	
			C ph n ưu đãi hoàn l i	0	0	0,000	
			Các c ph n ưu đãi khác	0	0	0,000	
			T ng s	319.000	3.190.000.000	29,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* H và tên: PH M VĂN Đ T

Gi i tính: Nam

Ch c danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/12/1995

Dân t c: Kinh

Qu c t ch: Việt Nam

Lo i gi y t pháp lý c a cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

S gi y t pháp lý c a cá nhân: 027095006298

Ngày c p: 02/10/2021

Nơi c p: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Đ a ch thư ng trú: *Khu Phố Đa Hội, Phường Châu Khê, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Đ a ch liên l c: *Khu Phố Đa Hội, Phường Châu Khê, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành ph Hà N i